

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Xu hướng giằng co trong biên độ lớn tiếp diễn trong ngày hôm nay trước khi VN-Index đóng cửa tại mốc 1,669.57 điểm, giảm hơn 16 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Dầu khí giảm mạnh nhất, theo sau là ngành Bất động sản. Ở chiều ngược lại, ngành Công nghệ thông tin, Bảo hiểm,... có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục bán ròng hơn 1,000 tỷ đồng trên sàn HSX; bán ròng trên sàn HNX và mua ròng nhẹ trên sàn UPCOM. Thị trường hiện tại đang giao dịch dưới SMA20, ngưỡng này hiện trở thành kháng cự ngắn hạn của VN-Index.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 30/10/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-16.26** điểm, đóng cửa tại **1669.57** điểm. HNX-Index **-1.08** điểm, đóng cửa tại **266.96** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **FPT (+0.39)**, **KDH (+0.39)**, **HVN (+0.36)**, **TCX (+0.24)**, **GVR (+0.23)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-6.74)**, **LPB (-1.25)**, **VPB (-1.15)**, **TCB (-1.11)**, **MBB (-0.72)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **22,636** tỷ đồng, giảm **-3.67%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 23,848 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 28.77 điểm. Thị trường có **148** mã tăng, 47 mã tham chiếu, **175** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1176.99** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIX (-389.68 tỷ)**, **GEX (-196.34 tỷ)**, **MBB (-169.40 tỷ)**, **SSI (-147.76 tỷ)**, **CII (-130.40 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-82.67** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.59%**. Các mã diễn biến tích cực:
KDH (+4.22%) [\(Link báo cáo\)](#)
PDR (+1.74%) [\(Link báo cáo\)](#)
KBC (+1.28%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.05%**. Các mã diễn biến tích cực:
CMG (+3.77%) [\(Link báo cáo\)](#)
NLG (+3.77%) [\(Link báo cáo\)](#)
VTP (+3.74%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.59%	0.05%	-0.96%	-1.26%
1 tuần	1.88%	1.87%	-1.04%	-1.06%
1 tháng	-0.18%	-1.28%	0.47%	3.33%
3 tháng	6.76%	3.55%	11.66%	19.27%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,669.57	266.96	113.42
% 1D	-0.96%	-0.40%	0.69%
GTKL (tỷ VND)	22,636	1,778	655
%1D	-3.67%	29.93%	4.34%
GDNN (tỷ VND)	-1176.99	-82.67	95.21

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	194.95	VIX	-389.68
HAH	88.04	GEX	-196.34
GMD	82.57	MBB	-169.40
KDH	63.37	SSI	-147.76
MWG	59.50	CII	-130.40

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

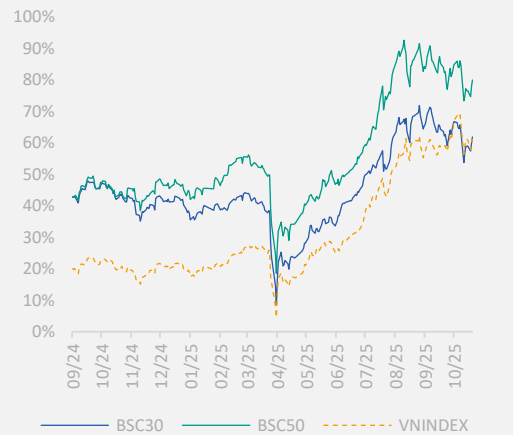
		%D	%W
SPX	6,891	0.00%	2.85%
FTSE100	9,706	-0.51%	1.33%
Eurostoxx	5,710	0.06%	0.76%
Shanghai	3,987	-0.73%	1.64%
Nikkei	51,326	0.04%	5.55%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.47	0.27%
Giá vàng	3,975	0.39%
Tỷ giá		
USD/VND	26,345	
EUR/VND	31,359	-0.36%
JPY/VND	177	-0.56%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.9%	0.02%
LS LNH 1M	5.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

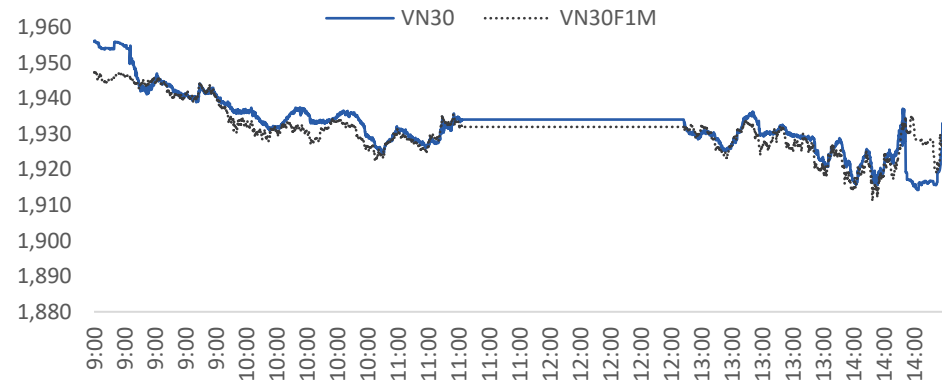
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1927.00	-1.03%	331,492	21.3%	20/11/2025	21
41I1G6000	1923.80	-0.53%	26	23.8%	18/06/2026	231
VN30F2512	1921.30	-1.21%	792	2.3%	18/12/2025	49
41I1G3000	1920.00	-0.47%	81	12.50%	19/03/2026	140

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -24.58 điểm, đóng cửa tại 1925.18 điểm. Biên độ dao động 39.27 điểm. Các cổ phiếu như VIC, LPB, HPG, VPB, TCB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc đỏ với thanh khoản nằm dưới đường MA20. Thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức thấp do thị trường chưa có động lực rõ ràng nào. Chiến lược là long/short linh hoạt.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMSN2406	4/11/2025	5	492,900	1.59%	79.00	260	30.0%	0.25	80.56	79.30	79.30
CVHM2521	25/05/2026	207	175,600	155.83%	115.68	3,800	28.4%	0.00	146.08	57.10	57.10
CSTB2510	19/11/2025	20	2,500	0.53%	44.00	3,300	19.6%	3.25	57.20	56.90	56.90
CFPT2509	19/11/2025	20	15,600	21.77%	120.74	200	17.6%	0.00	125.06	102.70	102.70
CTCB2513	3/12/2025	34	100	27.13%	40.81	940	17.5%	0.04	45.39	35.70	35.70
CFPT2510	23/02/2026	116	70,000	41.50%	132.82	580	16.0%	0.02	145.32	102.70	102.70
CSTB2524	23/06/2026	236	200	14.59%	53.90	2,260	11.3%	1.85	65.20	56.90	56.90
CTCB2515	25/12/2025	56	246,000	33.71%	44.81	600	11.1%	0.02	47.73	35.70	35.70
CMWG2518	23/07/2026	266	2,700	21.66%	82.61	2,820	10.6%	1.71	102.07	83.90	83.90
CSSB2505	3/12/2025	34	20,400	17.89%	20.22	440	10.0%	0.03	21.10	17.90	17.90
CHDB2504	19/11/2025	20	22,300	1.63%	26.67	1,820	9.6%	1.70	33.95	33.40	33.40
CFPT2526	25/06/2026	238	160,600	24.83%	115.30	1,290	9.3%	0.57	128.20	102.70	102.70
CSHB2510	4/05/2026	186	100	11.86%	13.67	2,960	8.8%	2.27	18.90	16.90	16.90
CMSN2509	19/12/2025	50	344,700	12.23%	82.00	700	7.7%	0.32	89.00	79.30	79.30
CHDB2506	24/02/2026	117	518,200	14.07%	33.00	1,700	7.6%	0.95	38.10	33.40	33.40
CFPT2518	23/09/2026	328	555,400	20.78%	106.99	1,960	5.9%	1.24	124.04	102.70	102.70
CFPT2525	25/03/2026	146	148,900	13.73%	103.00	1,380	5.3%	0.80	116.80	102.70	102.70
CFPT2524	25/06/2026	238	167,200	39.91%	118.69	1,000	5.3%	0.19	143.69	102.70	102.70
CTPB2507	24/02/2026	117	102,900	36.21%	22.00	680	4.6%	0.11	23.36	17.15	17.15
CFPT2517	23/06/2026	236	609,900	16.88%	106.99	1,500	4.2%	0.99	120.04	102.70	102.70

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 30/10/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
 - CMSN2406 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 30.00%. CMBB2518 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.67%.
 - CVHM2521, CTPB2510, CSSB2509, CVPB2524, CFPT2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2507, CVIC2508, CVHM2408, CVIC2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	102.70	0.98%	0.39	1.70
KDH	35.85	4.22%	0.39	1.12
HVN	33.00	1.54%	0.36	3.11
TCX	45.50	1.00%	0.24	2.31
GVR	28.35	0.89%	0.23	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BAB	12.90	3.20%	0.24	0.96
PVI	72.30	1.26%	0.13	0.23
PVS	32.30	1.25%	0.12	0.48
PTI	36.00	4.35%	0.11	0.12
CEO	27.30	0.74%	0.07	0.57

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
LDG	4.44	6.99%	0.02	1.75
DLG	2.93	6.93%	0.01	7.59
KHG	8.20	6.91%	0.06	30.71
DAT	9.45	6.90%	0.01	0.01
DRH	2.48	6.90%	0.00	1.47

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
QHD	34.20	9.97%	0.08	0.00
PDB	25.70	9.83%	0.08	0.13
DXP	11.30	9.71%	0.24	0.69
LIG	4.90	8.89%	0.15	1.18
TKU	14.70	7.30%	0.18	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	204.10	-3.73%	-6.74	3.88
LPB	52.00	-3.53%	-1.25	2.99
VPB	29.20	-2.18%	-1.15	7.93
TCB	35.70	-1.92%	-1.11	7.09
MBB	23.95	-1.64%	-0.72	8.05

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	80.90	-1.58%	-0.69	0.90
KSV	160.50	-2.49%	-0.48	0.20
SHS	23.10	-3.75%	-0.46	0.89
MBS	29.20	-2.34%	-0.24	0.59
HUT	16.90	-1.17%	-0.13	1.07

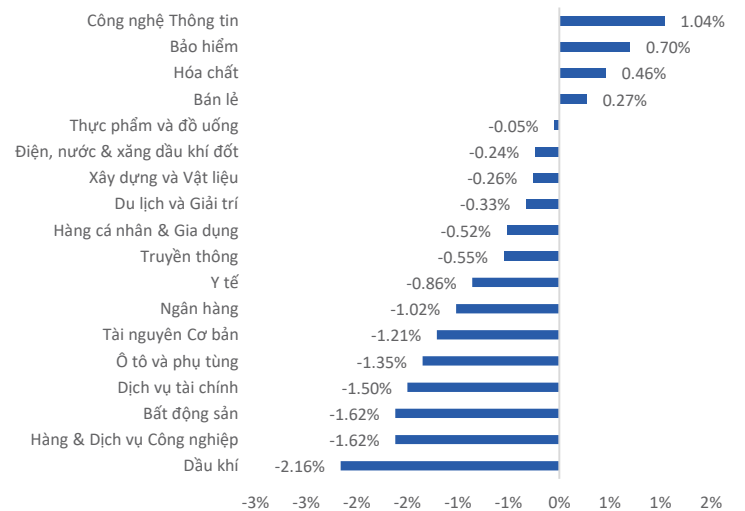
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIX	29.30	-6.98%	-0.71	65.66
GEX	47.35	-6.97%	-0.68	20.20
VPG	7.07	-6.97%	-0.01	1.96
SVC	31.55	-6.93%	-0.05	0.02
BTT	34.45	-6.89%	-0.01	0.01

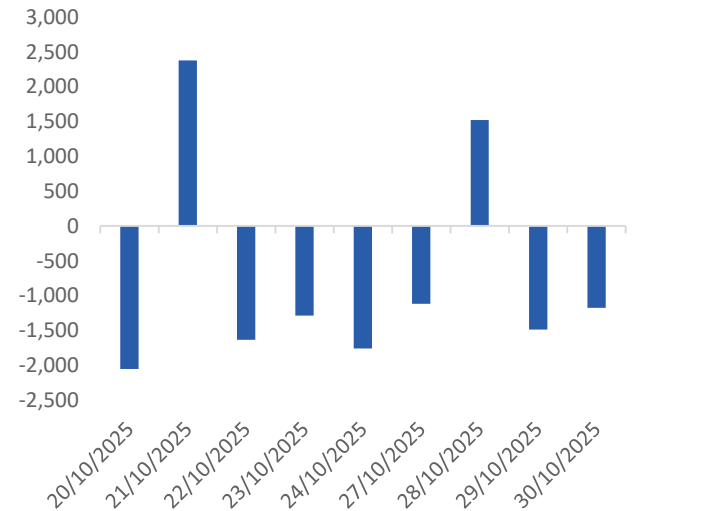
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHL	10.10	-9.82%	-0.09	0.00
VNT	36.10	-9.52%	-0.21	0.00
PMC	130.70	-9.49%	-0.42	0.02
TJC	13.60	-9.33%	-0.04	0.00
TTC	7.80	-9.30%	-0.02	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	83.9	-0.2%	1.3	124,338	507.4	3,955	21.3	100,800	46.2%	Link
KBC	Bất động sản	35.5	1.3%	1.5	33,009	127.6	1,835	19.1	46,000	10.4%	Link
KDH	Bất động sản	35.9	4.2%	1.3	38,604	407.8	857	40.1	39,900	26.9%	Link
PDR	Bất động sản	23.4	1.7%	1.9	22,536	242.5	211	109.0	28,200	9.8%	Link
VHM	Bất động sản	104.0	0.2%	0.8	426,349	483.9	6,984	14.9	92,000	9.2%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	102.7	1.0%	0.7	173,247	1004.2	5,280	19.3	118,700	37.5%	Link
BSR	Dầu khí	16.6	-3.5%	0.0	86,126	202.7	(10)		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	32.3	1.3%	1.5	15,247	146.1	3,040	10.5	42,800	10.2%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.6	-1.9%	1.4	25,919	204.1	1,452	16.5		35.9%	
SSI	Dịch vụ tài chính	34.9	-2.1%	1.5	73,903	988.3	1,882	18.9		33.8%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.1	-2.0%	1.3	27,350	248.4	1,589	23.8		20.6%	
DCM	Hóa chất	35.3	0.3%	1.3	18,635	60.1	3,578	9.8	47,300	4.8%	Link
DGC	Hóa chất	93.6	-0.9%	1.2	35,851	164.1	8,296	11.4	109,300	11.9%	Link
ACB	Ngân hàng	25.1	-1.2%	0.9	130,471	245.9	3,385	7.5	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	37.9	0.3%	0.9	265,407	98.7	3,683	10.3	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	49.2	-0.9%	1.2	266,620	241.2	5,608	8.9	53,500	25.7%	Link
HDB	Ngân hàng	33.4	0.0%	1.2	128,401	802.9	3,928	8.5	30,800	16.8%	Link
MBB	Ngân hàng	24.0	-1.6%	1.2	196,139	653.5	3,017	8.1	32,000	21.2%	Link
MSB	Ngân hàng	12.4	-1.6%	1.1	39,156	54.8	1,634	7.7	14,000	29.2%	Link
STB	Ngân hàng	56.9	-0.5%	1.0	107,834	186.5	6,148	9.3		17.0%	
TCB	Ngân hàng	35.7	-1.9%	1.2	257,939	384.4	3,113	11.7	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.2	-0.8%	1.3	47,952	97.7	2,423	7.5	-	24.4%	Link
VCB	Ngân hàng	60.6	-0.2%	0.9	507,189	118.6	4,148	14.6	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	18.8	-1.3%	0.9	64,676	106.7	2,218	8.6	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.2	-2.2%	1.3	236,828	665.7	2,603	11.5	35,650	24.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.9	-1.3%	1.3	209,156	659.2	1,750	15.6	34,300	18.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.7	-2.1%	1.6	10,557	86.8	751	22.6	23,800	5.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.4	-1.3%	1.2	10,295	73.6	4,124	6.5	31,700	3.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	79.3	0.1%	1.4	114,517	558.8	2,196	36.1	92,700	22.6%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.1	-0.7%	0.6	120,172	109.5	4,101	14.0	64,500	48.9%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	40.7	2.14%	1.4	8,803	51.9	2,413	16.5	20.4%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	148.1	2.14%	0.6	24,694	151.2	3,163	45.9	32.1%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	50.6	0.80%	1.1	37,265	11.1	3,278	15.3	27.0%		
DIG	Bất động sản	21.3	0.47%	1.7	16,845	175.1	521	40.6	5.3%	4.4%	
DXG	Bất động sản	21.2	1.19%	1.6	21,346	470.5	350	59.9	22.2%		Link
HDC	Bất động sản	34.3	0.88%	1.6	6,064	139.8	3,424	9.9	5.7%	25.2%	
HDG	Bất động sản	31.0	0.32%	1.6	11,432	70.2	540	57.2	20.3%		Link
IDC	Bất động sản	38.0	0.26%	1.5	14,383	101.3	3,977	9.5	11.1%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	39.9	3.77%	1.5	18,656	186.8	1,693	22.7	46.1%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	56.3	-0.53%	1.2	13,704	38.1	5,215	10.9	3.3%		
SZC	Bất động sản	31.0	0.00%	1.2	5,580	17.1	1,763	17.6	2.6%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	22.1	-0.45%	1.7	19,285	186.3	1,094	20.3	12.3%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	204.1	-3.73%	0.9	816,839	799.1	3,487	60.8	3.8%		
VRE	Bất động sản	34.6	-3.76%	1.1	81,690	341.9	2,144	16.8	15.1%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	41.3	3.77%	1.2	8,427	63.1	1,700	23.4	38.4%		Link
PLX	Dầu khí	34.6	0.14%	0.9	43,835	27.5	1,661	20.8	15.3%		Link
PVD	Dầu khí	20.3	-0.98%	1.2	11,368	53.5	1,428	14.3	3.3%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	35.4	1.73%	1.3	12,041	71.2	1,262	27.5	25.0%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	29.2	-2.34%	1.7	19,695	115.5	1,671	17.9	5.3%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	59.7	-0.83%	0.9	145,260	27.9	5,002	12.0	1.7%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.2	-0.70%	1.3	33,489	68.7	636	22.5	2.6%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.1	0.93%	0.7	34,937	17.3	4,417	14.6	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	195.5	0.21%	0.7	115,423	781.8	3,427	56.9	7.2%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	47.4	-6.97%	1.8	45,932	994.8	2,313	22.0	9.5%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	70.5	1.88%	1.2	29,513	254.8	3,821	18.1	42.8%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	62.7	1.13%	1.0	10,469	260.2	5,700	10.9	6.4%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.5	-1.13%	1.1	8,294	19.7	2,306	7.7	8.5%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	119.3	3.74%	0.0	14,005	287.3	3,317	34.7	5.0%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	94.6	-0.94%	1.0	32,580	51.9	6,924	13.8	48.8%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.5	-0.52%	1.0	3,210	52.6	2,535	11.3	48.9%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.4	0.52%	1.5	2,485	13.2	2,883	6.7	17.9%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	24.0	0.21%	1.2	16,284	66.8	1,212	19.8	5.3%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	28.4	0.89%	1.4	112,400	94.0	1,569	17.9	0.3%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.7	-2.37%	1.2	43,215	217.3	1,783	13.0	4.3%		Link
LPB	Ngân hàng	52.0	-3.53%	0.4	161,015	227.2	3,469	15.5	1.1%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.3	-1.38%	0.0	24,792	22.7	2,260	6.4	1.4%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	13.4	-1.11%	0.9	36,084	217.3	1,460	9.3	19.5%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.0	-1.85%	1.4	7,273	68.0	666	24.4	4.8%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	30.6	3.38%	1.3	7,881	110.1	2,829	10.5	4.3%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.1	1.90%	0.5	9,577	97.0	1,981	15.9	2.9%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	45.7	-0.11%	0.5	58,677	30.4	3,373	13.6	58.4%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	57.6	-1.20%	1.1	13,086	62.0	6,944	8.4	19.3%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	169.0	-0.59%	0.4	13,916	17.4	14,639	11.6	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	100.0	0.20%	1.3	10,123	130.3	4,565	21.9	48.9%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	94.0	2.40%	1.2	10,501	158.1	5,128	17.9	5.5%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.8	1.59%	1.5	4,440	29.6	2,518	17.5	5.2%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	15.0	0.34%	1.4	7,412	66.7	1,077	13.8	9.7%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.6	1.72%	1.0	8,297	100.4	1,189	19.5	12.5%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	26.4	0.38%	1.1	16,970	168.9	1,195	22.0	6.5%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	47.4	-1.56%	1.5	21,566	60.0	3,090	15.6	4.2%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
2	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
3	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
5	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
13	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
14	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
15	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
27	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>